

KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2024- 2025

ĐỘ TUỔI 4-5 TUỔI

Căn cứ vào chương trình giáo dục của nhà trường
Căn cứ vào tình hình thực tế của lớp mẫu giáo nhỡ A, bản thân tôi xây dựng kế hoạch giáo dục năm học như sau:

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG

TT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	TH chủ đề
1. Phát triển thể chất			
1	- Trẻ biết thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.	1,2,3,4 ,5,6,7, 8,9
2	- Trẻ có kỹ năng giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Đi lùi	- Đi trên ghế thể dục. - Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi lùi. - Đi bằng gót chân. - Đi khuyu gối. - Nhảy lò cò 3m.	3 9 8 1 2 6

		<ul style="list-style-type: none"> - Bật liên tục về phía trước. - Bật liên tục qua các vạch kẻ (qua các vòng). - Bật xa 35 - 40cm. - Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). 	<p>4</p> <p>5</p> <p>1,9</p> <p>7</p>
3	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ kiểm soát được vận động: + Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 - 5 vật chuẩn đặt đích dắc). 	<ul style="list-style-type: none"> - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi thay đổi đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn. - Chạy thay đổi đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn. - Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. - Bật qua vật cản cao 10 - 15cm. 	<p>5</p> <p>6</p> <p>7</p> <p>8</p> <p>9</p> <p>3,8</p>
4	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động. + Tung bắt bóng với người đối diện (cô/ bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng(khoảng cách 3 m). + Tự đập bắt bóng được 4- 5 lần liên tiếp. + Ném trúng đích đứng(xa 1,5m x cao 1,2m). 	<ul style="list-style-type: none"> - Tung bóng lên cao và bắt bóng. - Tung bắt bóng với người đối diện. - Chuyên, bắt bóng qua đầu qua chân. - Đập và bắt bóng tại chỗ. - Ném trúng đích đứng bằng 1 tay. 	<p>4</p> <p>6</p> <p>7</p> <p>5</p> <p>8</p>
5	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ có khả năng thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: + Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây 	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy 15 m trong khoảng 10s. - Chạy chậm 60 – 80m. 	<p>4</p> <p>9</p>
6	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ có khả năng thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: + Ném trúng đích nằm ngang (xa 2m) 	<ul style="list-style-type: none"> - Ném xa bằng 1 tay. - Ném xa bằng 2 tay. - Ném trúng đích nằm ngang (xa 2m). 	<p>1</p> <p>3</p> <p>7</p>
7	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ có khả năng thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: 	<ul style="list-style-type: none"> - Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. - Bò đích dắc qua 5 điểm. 	<p>1</p> <p>9</p>

	+ Bò trong đường dích dắc (3- 4 điểm dích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	- Trườn theo hướng thẳng. - Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. - Trèo lên, xuống 5 giống thang. - Bò chui qua cổng. - Bò chui qua ống dài 1,2 m x 0,6m.	5 6 4 2,7 3
8	- Trẻ thực hiện được các VĐ + Cuộn - xoay tròn cổ tay. + Gập, mở các ngón tay	- Vo, xoay, xoắn, vặn, búng ngón tay, vè, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi ...	5, 6, 9
9	- Trẻ có khả năng phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: + Vẽ hình người, nhà, cây. + Cắt thành thạo theo đường thẳng. + Xây dựng, lắp ráp với 10 – 12 khối.	- Tô, vẽ hình. - Gập giấy. - Xé, cắt đường thẳng. - Lắp ghép hình.	3,6 4 4,6 7
10	- Trẻ có khả năng phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: + Trẻ biết tết sợi đôi. + Tự cài, cởi cúc, khâu, buộc dây giày. + Sử dụng đôi bàn tay di chuột chơi các trò chơi vui học Kidsmart	- Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây + Sử dụng đôi bàn tay di chuột chơi các trò chơi vui học Kidsmart	2 1-9
11	- Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm: + Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. + Rau, quả chín có nhiều vitamin.	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng).	2
12	- Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn hàng ngày của bé.	1,2

13	<p>- Trẻ biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.</p>	<p>- Nhận biết các bữa ăn trong ngày (bữa sáng, bữa trưa, bữa tối) và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)</p>	2
14	<p>- Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: + Tự rửa tay bằng xà phòng. + Tự lau mặt, đánh răng. + Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.</p>	<p>- Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Tập đánh răng, lau mặt. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.</p>	1 2 8
15	<p>- Trẻ tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng không rơi vãi, đổ thức ăn.</p>	<p>- Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng không rơi vãi, đổ thức ăn.</p>	3
16	<p>- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: + Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. + Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.. + Không uống nước lã</p>	<p>- Tập luyện thói quen mời cô, mời bạn khi ăn, ăn từ tốn, nhai kỹ. - Tập ăn nhiều rau, ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã</p>	1 2,5 8
17	<p>- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: + Vệ sinh răng miệng, đeo khẩu trang đúng cách, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép giầy khi đi học.</p>	<p>- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe: Vệ sinh răng miệng đeo khẩu trang đúng cách, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép giầy khi đi học. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết (Mặc quần áo ấm vào mùa đông, thoáng mát vào mùa hè) - Ích lợi của mặc trang phục phù</p>	2 4,5

		hợp với thời tiết.	
18	- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh khi được nhắc nhở: + Đi vệ sinh đúng nơi quy định. + Bỏ rác đúng nơi qui định	- Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định.	8
19	- Trẻ có một số hành vi tốt trong phòng bệnh khi được nhắc nhở: + Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt....	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản	9
20	- Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng... là nguy hiểm, không đến gần; nhận biết những vật sắc, nhọn là nguy hiểm và không nên nghịch.	- Nhận biết bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng... là nguy hiểm không đến gần; nhận biết những vật sắc nhọn là nguy hiểm và không nên nghịch.	3
21	- Trẻ nhận ra những nơi như: ao, sông suối, nương nước, bể nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm (Chơi gần ao, sông, suối, kênh nương...) những nơi không an toàn (ao, sông, suối, nương...) những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	8
22	- Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: + Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt. + Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ.. không uống rượu bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm như: Không cười đùa trong khi ăn, uống, khi ăn các loại quả có hạt. - Nhận biết không ăn thức ăn ôi thiu, không uống rượu bia, ăn lá, quả lạ, không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn.	4,9 5
23	- Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: + Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	- Rèn thói quen chỉ ra khỏi lớp khi được cô giáo cho phép, không tự ý ra khỏi lớp, trường.	1

24	<p>- Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: + Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. + Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.</p>	<p>- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ: Cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu, khi bị lạc, nhận biết tên, địa chỉ, số nhà, số điện thoại của bố mẹ, người thân.</p>	3,5,7
2. Phát triển nhận thức			
25	<p>- Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi về sự vật hiện tượng: “Vì sao cây bị héo?” “ Vì sao lá cây bị úớt?”...</p>	<p>- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây (VD: Thấy đất cứng lấy bàn cào sỏi đất cho toi...) - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây cối. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nước, cách bảo vệ nguồn nước.</p>	5,6 8
26	<p>- Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.</p>	<p>- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - Đặc điểm, công dụng của một số PTGT.</p>	2 1,3 5,6 7
27	<p>- Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.</p>	<p>- Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.</p>	8
28	<p>- Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.</p>	<p>- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt con người. - Các nguồn nước trong môi</p>	

		trường sống (Nước giếng, nước máy, nước khe, nước sông, nước suối).	
29	- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu	- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu. - Phân loại PTGT theo 1-2 dấu hiệu.	5, 6, 1,3 7
30	- Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “ Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”.	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống và khi có thiên tai, biến đổi khí hậu.	5,6
31	- Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản: Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	1,3
32	- Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm sự khác nhau giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- So sánh sự giống nhau và khác nhau của 2-3 đồ chơi, đồ dùng; - So sánh sự giống và khác nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm.	1,3 5,6 8
33	- Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Chơi đóng vai, bác sỹ, bán hàng, nấu ăn, bán hàng... - Hát các bài hát về cây, con vật, hoa, quả, phương tiện giao thông... - Vẽ, xé dán, cắt, nặn về đồ dùng, dụng cụ một số nghề, con vật, cây, hoa, quả, phương tiện giao thông đơn giản...	2,4,5,7, 9
34	- Trẻ nhận biết được các biểu hiện của một số thiên tai hay xảy ra tại địa phương (Lũ lụt, động đất, giông, sét, mưa đá..) - Biết hậu quả của thiên tai. Cách bảo vệ môi trường	- Tên gọi, đặc điểm của một số thiên tai xảy ra tại địa phương khi biến đổi khí hậu (Lũ lụt, động đất, giông, sét, mưa đá..) - Biết hậu quả của thiên tai. Cách bảo vệ môi trường	8

	- Biết cách ứng xử đơn giản khi có thiên tai (Trú nơi an toàn, không ra ngoài đường khi mưa to, sấm, chớp, mưa đá..)	- Cách ứng xử đơn giản khi có thiên tai (Trú nơi an toàn, không ra ngoài đường khi mưa to, sấm, chớp, mưa đá..)	
35	- Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi : “ bao nhiêu ?” ; “ là số mấy ?”....	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.	1,4,6, 7 8,9
36	- Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.		
37	- Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.		
38	- Trẻ biết gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.	4,6
39	- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn.	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	
40	- Trẻ biết sử dụng các số từ 1- 5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.	1,4,6
41	- Trẻ nhận biết được ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. (biển số xe, đóc lịch, số trên mặt đồng hồ...).	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (biển số xe, đóc lịch, số trên mặt đồng hồ...).	3,7
42	- Trẻ biết nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.	5
43	- Trẻ biết sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo	5 8
44	- Trẻ biết chỉ ra các điểm giống, khác nhau của các hình (Hình tròn và tam giác, vuông và chữ nhật)	- So sánh sự giống, khác nhau của các hình: Hình tròn, hình tam giác, hình vuông và hình chữ nhật.	3

45	- Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	7
46	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên – phía dưới; phía phải - phía trái).	2
47	- Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.	8
48	- Trẻ biết nói họ và tên, tuổi giới tính, dân tộc của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, tuổi, giới tính, dân tộc, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.	2
49	- Trẻ biết nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình	3
50	- Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình (Thôn / bản, xã, huyện) khi được hỏi, trò chuyện.	- Địa chỉ gia đình (Thôn / bản, xã, huyện nơi mình ở)	
51	- Trẻ biết nói tên và địa chỉ của trường lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, địa chỉ của trường, lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.	1
52	- Trẻ biết nói tên, một số công việc của cô giáo và các cô bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.		
53	- Trẻ biết nói họ tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.	1
54	- Trẻ biết kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện: Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề làm bánh gai, bánh khảo, nghề mây tre đan, nghề dệt thổ cẩm...	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống (Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề làm bánh gai, bánh khảo, nghề mây tre đan, nghề dệt thổ cẩm...).	4

55	- Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội Ngày khai giảng, tết trung thu, ngày 20/11, tết nguyên đán...	Đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ hội: Ngày khai giảng, tết trung thu, ngày 20/11, tết nguyên đán...	1,3,4,5 7,9
56	- Trẻ biết kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở Điện Biên	Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, sự kiện văn hóa của Điện Biên, đất nước : Đồi A1, tượng đài, hầm đờ cát... - Sự kiện văn hóa của quê hương Điện Biên	9
3. Phát triển ngôn ngữ			
57	- Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “ Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng"	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu.	4,5, 6
58	- Trẻ hiểu được nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.	1,3,4,5 6
	- Trẻ nghe và nhận diện, nhận biết được một số từ tiếng anh chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản quen thuộc với lứa tuổi - Trẻ nghe từ chỉ số từ 1- 5 bằng tiếng anh.	- Nghe được một số từ tiếng anh chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động đơn giản quen thuộc với lứa tuổi. - Nghe số từ số 1- 5 bằng tiếng anh.	1,2,3,4 5,6,7, 8,9
59	- Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Lắng nghe, nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	4,8,9
60	- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.		
61	- Trẻ biết nói rõ để người nghe có thể hiểu được. - Trẻ người dân tộc thiểu số (Thái, Tày, Nùng, Thổ..) sử dụng đúng từ ngữ và câu bằng tiếng Việt, tiếng mẹ đẻ trong giao tiếp hằng ngày	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. - Trẻ người dân tộc thiểu số (Thái, Tày, Nùng, Thổ..) sử dụng đúng từ ngữ và câu bằng tiếng Việt, tiếng mẹ đẻ trong giao tiếp hằng ngày	7,8,9

62	- Trẻ biết sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.	3,4,6
63	- Trẻ mô tả hành động của các nhân vật trong tranh		
64	- Trẻ biết sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép. - Trả lời và đặt các câu hỏi: “ Ai?”; “ Cái gì?”; “ Ở đâu?”; “ Khi nào?”; “ Để làm gì?”	2,3,7,9
65	- Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự.	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.	5,6
66	- Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè(quen thuộc ở địa phương).	1,2,3,4 ,5,6,7, 8,9
67	- Trẻ biết kể chuyện có mở đầu kết thúc.	- Kể lại truyện đã được nghe. - Nghe, hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	1,2,3,4 ,5,6,7, 8,9
68	- Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	- Đóng kịch. - Kể chuyện bằng rối.	5,6
69	- Trẻ biết sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi... trong giao tiếp	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép trong giao tiếp với cô giáo và các bạn...	1,2
70	- Trẻ biết chọn sách để xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Giữ gìn, bảo vệ sách;	1,2,4
71	- Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”).	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. - Làm quen với cách đọc tiếng việt: + Hướng đọc: từ trái sang phải, từ	8,9

		dòng trên xuống dòng dưới. + Đọc ngắt nghỉ sau các dấu.	
72	- Trẻ biết nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm, cấm hút thuốc lá...	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...).	1,2,3,5,7
73	- Trẻ biết sử dụng kí hiệu để "viết": tên, làm vé xe, thiệp chúc mừng...	- Nhận dạng 10-15 chữ cái (Từ dưới tranh, qua các quyển tranh, truyện...) - Tập tô, tập đồ các nét chữ (hoạt động chơi ngoài trời, chơi ở góc học tập...) - Làm quen với cách viết tiếng việt: + Hướng viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ	7,8,9
4. Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội			
74	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân, Tên bố, mẹ.	2,3
75	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Nói sở thích, khả năng của bản thân. Những điều bé không thích	4,5,8,9
76	- Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	- Tự chọn đồ chơi, chọn trò chơi theo ý thích.	1,3,4,5,8
77	- Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc được giao(Trục nhật, dọn đồ chơi).	- Thực hiện và hoàn thành những yêu cầu của lớp, trường, những nhiệm vụ cô giáo giao.	1,2, 4
78	- Trẻ nhận biết được cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.	2
79	- Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.	2
80	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	- Nhận ra Bác Hồ qua tranh ảnh, vi deo.	9

81	- Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ.	9
82	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương Điện Biên, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của Điện Biên	9
83	- Trẻ thực hiện được một số qui định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi qui định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình (giúp đỡ ông bà bố mẹ cô giáo những công việc vừa sức: Phơi khăn, kê bàn ghế...).	1,3,7
84	- Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.	1,2
85	- Trẻ chú ý nghe khi cô nói, bạn nói.		
86	- Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Chờ đến lượt, hợp tác.	3,6,7,8,9
87	- Trẻ biết trao đổi thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...).	- Quan tâm, giúp đỡ bạn. (giúp đỡ bạn, không tranh đồ chơi của bạn).	
88	- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.	5,6
89	- Trẻ biết không được bẻ cành, ngắt hoa.		
90	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi qui định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường (bỏ rác vào thùng rác, nhặt lá sân trường, vườn cây...) - Phân biệt hành vi “đúng”-“sai” “tốt” - “xấu”.	1,2,3,4,5,6,7,8
91	- Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	- Tiết kiệm điện, nước (Tắt vòi nước sau khi rửa tay xong, lấy nước uống vừa đủ uống, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng....	8
5. Phát triển thẩm mỹ			
92	- Trẻ thể hiện được vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài	6,8,9

	và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật	
93	- Trẻ chú ý nghe thích thú (Hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau: nhạc thiếu nhi, dân ca (phù hợp với địa phương) - Thích nghe đọc thơ, đồng dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	1,2,3, 4,7,8,9
94	- Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Thích thú ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	2,4,7,9
95	- Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát (nhạc thiếu nhi, các bài hát đặc sắc của địa phương).qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát (nhạc thiếu nhi, các bài hát đặc sắc của địa phương).	1,2,3,4, 5,6,7,8, 9
96	- Trẻ có khả năng vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	1,2,3,4, 5,6,7,8, 9
97	- Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.	2,5,7
98	- Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	- Sử dụng các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.	1,3,8
99	- Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong...và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	- Sử dụng các kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.	4,6,7,8, 9
100	- Trẻ biết làm lốm, đồ bột, bẻ	- Sử dụng các kỹ năng nặn để tạo	4,6

	loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.	
101	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	- Sử dụng các kỹ năng xếp hình, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.	5,7,9
102	- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét	1,2,3,4, 5,6,7,8, 9
103	- Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.	5,6
104	- Trẻ biết lựa chọn dụng cụ (Phách tre, xác xô, mõ, đàn, trống...) để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc (Phách tre, xác xô, mõ, đàn, trống...) để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.	3,4,5,6, 9
105	- Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu sẵn có ở địa phương như : Rom, chai, lọ, hạt... để tạo ra sản phẩm theo ý thích . - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.	1,2,3,4, 5,6,7,8, 9
106	- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.	7,8,9

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ ĐỘ TUỔI 4-5 TUỔI NĂM HỌC: 2024-2025

Stt	Tháng	Chủ đề, thời gian thực hiện	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ/ hội	ĐC
1	Từ ngày 09/09/2024đến ngày 04/10/2024	Trường mầm non – Tết trung thu 4 tuần	Trường mầm non	1	Ngày khai giảng, Tết trung thu	
			Tết Trung thu	1		
			Lớp học của bé	1		
			Đồ dùng đồ chơi của bé	1		
2	Từ ngày 7/10/2024 đến ngày 25/10/2024	Bản thân 3 tuần	Tôi là ai?	1		
			Cơ thể của bé	1		
			Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	1		
3	Từ ngày 28/10/2024	Gia đình- Ngày hội	Gia đình thân yêu của bé	1	Ngày nhà giáo Việt	
			Ngôi nhà bé yêu	1		

Stt	Tháng	Chủ đề, thời gian thực hiện	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ/ hội	ĐC
	đến ngày 22/11/2024	của cô giáo 4 tuần	Đồ dùng trong gia đình	1	Nam 20/11	
			Ngày hội của cô giáo	1		
4	Từ ngày 25/11/2024 đến ngày 20/12/2024	Bé thích làm nghề gì 4 tuần	Một số nghề truyền thống địa phương	1		
			Một số nghề phổ biến	1		
			Một số nghề dịch vụ	1		
			Ngày thành lập QĐNDVN 22/12	1		
5	Từ ngày 23/12/2024 đến ngày 24/01 /2025	Thế giới thực vật quanh bé - Tết nguyên đán – Mùa xuân 4 tuần	Cây xanh và môi trường sống	1	Tết nguyên đán	
			Một số loại hoa	1		
			Một số loại rau,quả	1		
			Tuần Ôn			
			Tết nguyên đán - Mùa xuân	1		
Nghỉ tết nguyên đán 27/01-02/02/2025						
6	Từ ngày 03/02/2025 đến ngày 28/02/2025	Những con vật em yêu 4 tuần	Một số con vật sống trong gia đình	1		
			Một số con vật sống dưới nước	1		
			Một số con vật sống trong rừng	1		
			Một số con côn trùng	1		
7	Từ ngày 03/03/2025 đến ngày 28/03/ 2025	Phương tiện giao thông- Ngày 8/3 4 tuần	Ngày hội 8/3	1		
			PTGT đường bộ	1		
			PTGT Đường thủy và đường hàng không	1		
			Tôi yêu Việt Nam	1		
8	Từ ngày 31/3/2025 đến ngày 25/04/2025	Nước và một số hiện tượng tự nhiên 4 tuần	Một số hiện tượng tự nhiên	1		
			Nước	1		
			Các mùa trong năm	1		
			Bé với biến đổi khí hậu	1		

Stt	Tháng	Chủ đề, thời gian thực hiện	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ/ hội	ĐC
9	Từ ngày 28/04/2025 đến ngày 23/05 /2025	Quê hương đất nước- Bác Hồ- Tết thiếu nhi 4 tuần	Quê hương Điện Biên	1		
			Bác Hồ kính yêu	1		
			Thủ đô Hà nội	1		
			Tết thiếu nhi	1		
Cộng				35		

Ngày 29 tháng 08 năm 2024

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

GIÁO VIÊN

Hoàng Thị Hà

Lò Thị Vân